

Số: 476/UBND-VP

Phủ Lý, ngày 22 tháng 5 năm 2020

V/v báo cáo tình hình thực hiện KHPT
KT-XH 6 tháng đầu năm 2020

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành thuộc UBND thành phố;
- Ủy ban nhân dân 21 phường, xã.

Căn cứ Công văn số 858/SKHĐT-TH, ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH 6 tháng đầu năm 2020; Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các phòng, ban, đơn vị, UBND các phường, xã đánh giá tình hình thực kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2020 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế - xã hội:

1.1. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020:

- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng đầu năm 2020. Phân tích, đánh giá nêu bật những thuận lợi, khó khăn kết quả đạt được và tồn tại chủ yếu trong quá trình thực hiện.

- Đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid - 19 đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, khó khăn vướng mắc do dịch Covid - 19 gây ra trong 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2020.

- Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, so sánh với kế hoạch năm và cùng kỳ năm trước (*theo mẫu biểu gửi kèm*).

1.2. Nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2020.

- Các nhiệm vụ, công việc phải thực hiện 6 tháng cuối năm.
- Các giải pháp cụ thể nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra.
- Những kiến nghị, đề xuất.

2. Công tác đầu tư xây dựng:

- Đánh giá tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm về:
 - + Thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng, đấu thầu ...
 - + Khối lượng thực hiện, tiến độ, thời gian, chất lượng công trình.
 - + Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, công trình khởi công mới trong 6 tháng đầu năm.

- + Công tác cấp phát, thanh, quyết toán vốn.
- + Công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá, giám sát đầu tư.
- + Danh mục công trình

(Theo mẫu biểu gửi kèm)

- Những thuận lợi, khó khăn; những ưu điểm và tồn tại chủ yếu trong quá trình thực hiện (*từng nội dung nêu một số dự án điển hình*).
- Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm và giải pháp thực hiện.
- Những kiến nghị.

Báo cáo gửi về UBND thành phố (*qua Văn phòng HĐND - UBND thành phố, hòm thư điện tử: ubndpl@hanam.gov.vn*), đồng gửi phòng Tài chính - Kế hoạch (*hòm thư điện tử: phongtckh.pl@hanam.gov.vn*) **trước ngày 27/5/2020**.

Giao phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND - UBND thành phố và các đơn vị liên quan tổng hợp báo cáo chung của thành phố và gửi UBND tỉnh, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hà Nam theo quy định.

Yêu cầu các phòng, ban, đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TT Thành ủy - HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Chức

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Dự kiến 6 tháng cuối năm 2020	Ước thực hiện cả năm 2020	So sánh (%)		
							TH 6 tháng 2020/6 tháng 2019	TH 6 tháng/ KH2020	Ước TH cả năm /KH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I.	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP								
	Giá trị SX CN - TTCN (Giá cố định)	Tỷ.đ							
II.	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP:								
1	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn							
	<i>Trong đó:</i>								
	- Lúa	Tấn							
	- Ngô	Tấn							
2	Năng suất lúa								
	- Vụ chiêm	Tạ/ha							
	- Vụ mùa	Tạ/ha							
3	Chăn nuôi:								
	- Đàn lợn	Con							
	- Tổng đàn trâu, bò	Con							
	- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn							
III.	DỊCH VỤ:								
	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ trên địa bàn.	Tỷ.đ							
IV.	THU CHI NGÂN SÁCH:								
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ.đ							
	<i>Trong đó:</i> Thu từ kinh tế trên địa bàn	Tỷ.đ							
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ.đ							
	<i>Trong đó:</i> - Chi thường xuyên	Tỷ.đ							
	- Chi xây dựng cơ bản	Tỷ.đ							
V.	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN	Tỷ.đ							
VI.	XÂY DỰNG CƠ BẢN:								
1	Thành phố quản lý	Tỷ.đ							

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Dự kiến 6 tháng cuối năm 2020	Ước thực hiện cả năm 2020	So sánh (%)	
							TH 6 tháng 2020/6 tháng 2019	Ước TH cả năm /KH 2020
	-Vốn cân đối NS theo NQ HEND tỉnh	Tỷ.đ						
	- Vốn đầu tư từ nguồn SDD	Tỷ.đ						
	- Nguồn khác	Tỷ.đ						
2	Ngân sách phường, xã.	Tỷ.đ						
VII.	VỐN VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM:							
	- Tổng vốn	Tr.đ						
	<i>Trong đó:</i> - Vốn quay vòng	Tr.đ						
	- Vốn bổ sung mới	Tr.đ						
	- Số dự án	Dự án						
	- Tổng số lao động được giải quyết việc làm mới	người						
	- Tổng số lao động được giải quyết việc làm thêm	người						
VIII.	KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH							
	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên	%						
	Giảm tỷ lệ trẻ em SDD dưới 5 tuổi xuống còn	%						
IX.	GIÁO DỤC							
	- Duy trì phổ cập THCS	xã.P						
	- Trường đạt chuẩn Quốc gia (lưu ký)	trường						
X.	VĂN HOÁ THÔNG TIN							
1	Số làng, tổ phố, đơn vị văn hoá (lưu ký)	làng						
2	Tỷ lệ gia đình đạt gia đình văn hoá	%						
XI.	Y TẾ							
1	Số xã, phường có bác sỹ	xã.P						
XII.	TỶ LỆ HỘ NGHÈO	%						
XIII	TỶ LỆ RAC THAI NỘI THÀNH ĐƯỢC THU GOM	%						
XIV	TỶ LỆ DÂN CƯ NÔNG THÔN DÙNG NƯỚC SẠCH, NƯỚC HỢP VỆ SINH	%						

ĐƠN VỊ.....

TỔNG HỢP NỘ XÂY DỰNG CƠ BẢN QUÝ II/2020

DVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Thời gian KC-HT	QB đầu tư ban đầu và các QB điều chỉnh (nếu có)		Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2019	Kế hoạch năm 2020				Khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2020		KL giải ngân từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Thiếu nợ	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Vốn KH đầu năm	Vốn bổ sung trong năm	Thu tạm ứng	Tổng số	Trong đó: Ước KLTH từ 01/01/2020 đến 30/6/2020			
TỔNG CỘNG														
I	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán													
1														
2														
II	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán													
1														
2														
III	Dự án chuyển tiếp													
1														
2														
IV	Dự án khởi công mới													
1														
2														
						7=8+9+10	8	9	10	11	12	13	14=11-6-13	

